

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 08 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nga và Ông Phan Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Trương B, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1970 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H, sinh năm: 1938 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1938; có vợ là Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1972 và có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12 tháng 11 năm 2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Trần Đình M, sinh năm 1988 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Đình M: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1992; Trần Đình Bảo Kh, sinh ngày 20/3/2015; Trần Đình Ngọc Tr, sinh ngày 21/02/2018; đều có nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế (là vợ và con của bị hại). Ông Trần Đình D, sinh năm 1934; bà Lê Thị H, sinh năm 1947; đều có nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế (là cha, mẹ đẻ của bị hại); chị T, ông D, bà H có mặt.

+ Ông Lê H, sinh năm 1967 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê H và bà Huỳnh Thị L: Ông Lê T, sinh năm 1930 (là cha đẻ của ông Lê H); nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Huỳnh C, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1930 (là cha mẹ đẻ của bà Huỳnh Thị L); đều có nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1997; chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1998; anh Lê Q, sinh năm 1999; chị Lê Thị Thu Th, sinh ngày 28/3/2005 (là các con của bị hại ông Lê H và bà Huỳnh Thị L); nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T, ông C, bà Ch, chị Th, chị Th, chị Th có giấy ủy quyền cho anh Lê Q tham gia tố tụng; anh Q có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Ngô Văn Nh, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi X, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số N đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm: 1972;

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1969;

+ Ông Đoàn H, sinh năm 1966;

+ Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1964;

+ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1957;

+ Anh Trần Đình D, sinh năm 1980;

+ Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1989;

Đều có nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà Tr, bà L, ông H, ông K, ông T, anh D, anh Ph, có mặt.

+ Bà Trần Thị C, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Trương M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/02/2020, ông Nguyễn Duy T (sinh năm: 1957), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, mượn thuyền (ghe) có gắn động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5 của con rể là anh Ngô Văn Nh (Sinh năm: 1980), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế để làm phương tiện đi làm rẫy keo thuê cho ông Trương M (sinh năm: 1963), trú

tại: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 15/02/2020, Trương B (Không có chứng chỉ chuyên môn lái phương tiện thủy nội địa, nhưng biết điều khiển thuyền máy và đã nhiều lần điều khiển thuyền máy) điều khiển thuyền (ghe) chở theo 11 người, gồm: Huỳnh Thị Tr (sinh năm: 1970, vợ của Trương B); Trần Đình M (sinh năm: 1988), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Đoàn Thị T (sinh năm: 1992, vợ của Trần Đình M); Lê H (sinh năm: 1967), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Huỳnh Thị L (sinh năm: 1969, vợ của Lê H); Hoàng Văn K (sinh năm: 1964), trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trần Thị C (sinh năm: 1967, vợ của Hoàng Văn K); Đoàn H (sinh năm: 1967), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trần Thị L (sinh năm: 1969, vợ của Đoàn H); Nguyễn Duy T và Trần Đình D (sinh năm: 1980), trú tại: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; chạy theo hướng từ khe D (thuộc thôn P, xã H, huyện N Đ) về đập T (thuộc địa phận thị xã H). Khi điều khiển thuyền (ghe), Trương B chạy song song với bờ bên phải theo hướng đi, cách bờ khoảng 05 mét; khi thuyền (ghe) chạy được khoảng 100 mét từ điểm xuất phát thì mũi thuyền chuyển hướng sang bên trái và xoay vòng. Sau đó, nước tràn vào thuyền từ phía đuôi thuyền (nơi gắn động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5) làm thuyền chìm. Lúc này, toàn bộ 12 người ngồi trên thuyền bị hoảng loạn và cố diu nhau bơi vào bờ bên phải; sau khi 09 người bơi được vào bờ thì phát hiện anh H, anh M và chị L mất tích. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng chức năng đã tìm được anh H, anh M và chị L đưa vào bờ nhưng đã chết do đuối nước.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ việc, xác định như sau: Mặt nước lòng hồ nơi xảy ra vụ việc phẳng, không có vật cản, rộng 111,4 mét; hai bên bờ dọc theo lòng hồ không có cắm biển báo hiệu. Quá trình khám nghiệm sử dụng máy GPS, có model GARMIN GPS MAP64 để xác định tọa độ các vị trí, cụ thể như sau:

- Vị trí đánh số 01: Nơi các nạn nhân lên thuyền (ghe) để di chuyển trên lòng hồ T.

- Vị trí đánh số 02: Vị trí trực vớt được 01 chiếc thuyền (ghe) bị chìm dưới lòng hồ T, cách vị trí số 01 là 142,8 mét; từ vị trí số 02 đến mép bờ đất sát mặt nước phía bên phải là 74,5 mét.

- Vị trí đánh dấu X: Là vị trí vớt được tử thi nạn nhân Lê H và Huỳnh Thị L, cách vị trí số 02 là 35,7 mét.

- Vị trí đánh dấu Y: Là vị trí vớt được tử thi nạn nhân Trần Đình M, cách vị trí số 02 là 33,4 mét.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện đối với 01 chiếc thuyền (ghe) xác định được như sau:

- Thuyền (ghe) được làm bằng kim loại màu xám trắng, dài 8,33 mét, điểm rộng nhất 1,38 mét, điểm cao nhất cách mặt đất là 0,65 mét, điểm thấp nhất cách mặt đất là 0,33 mét. Không phát hiện điểm nứt, vỡ gì trên thuyền (ghe).

- Trên thuyền (ghe) gắn động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5”, bị mất nắp bình xăng.

- Cản lái thuyền (ghe) được làm bằng kim loại, có dạng hình cung; từ đầu cản lái đến 0,98 mét có một thanh kim loại hình tròn dài 0,20 mét được gắn cố định vào cản lái. Từ đầu cản lái đến 0,95 mét có một thanh kim loại hình tròn dài 2,36 mét được gắn cố định vào cản lái, điểm cuối gắn chân vịt bằng kim loại. Từ đầu cản lái đến chân vịt là 03 mét.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 97, 98 và 99 ngày 21/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận nguyên nhân chết của các bị hại Huỳnh Thị L, Lê H và Trần Đình M như sau: Nạn nhân Huỳnh Thị L, Lê H và Trần Đình M chết có dấu hiệu do ngạt nước, các vùng còn lại không phát hiện tổn thương do ngoại lực tác động.

Tại Bản kết luận giám định về kỹ thuật ngày 16/03/2020 của Chi cục Đăng kiểm số 13 khu vực miền Trung; kết luận đối với động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5 như sau: Công suất động cơ 168F-2L VIKYNO 6.5 không đủ cơ sở xác định công suất, do không có tài liệu kỹ thuật từ nhà chế tạo, không có bản tính công suất, vòng quay từ cơ sở thử nghiệm động cơ. Không có cơ sở để xác định phương tiện được phép chở người, chở hàng và xác định trọng tải phương tiện; do không có hồ sơ thiết kế phương tiện (Bao gồm: Bản tính kết cấu, bản tính ổn định, mạn khô, tuyến hình, bố trí chung, kết cấu cơ bản). Thuyền (ghe) nêu trên là phương tiện thủy nội địa.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung về kỹ thuật ngày 31/03/2020 của Chi cục Đăng kiểm số 13 khu vực miền Trung; kết luận đối với động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5 như sau: Đây là động cơ xăng có ký hiệu 168F-2L, có công suất danh nghĩa là: 5.5 mã lực; công suất lớn nhất: 6.5 mã lực, phù hợp với Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa do Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Đồng Nai cấp ngày 23/7/2002 và hồ sơ Tiêu chuẩn xí nghiệp động cơ xăng 168F-2L do Công ty Máy nông nghiệp Miền Nam cung cấp.

Tại Công văn số: 241 ngày 26/02/2020 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xác định luồng tuyến, phương tiện giao thông đường thủy nội địa đối với lòng hồ T như sau: Khu vực lòng hồ Th chưa được cấp có thẩm quyền công bố là đường thủy nội địa.

Tại Công văn số: 1548 ngày 04/08/2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, kết luận về khu vực lòng hồ T như sau: Khu vực lòng hồ T không thuộc danh mục tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/03/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Đ phối hợp với Chi cục Đăng kiểm số 13 khu vực miền Trung, Viện kiểm sát cùng những người có liên quan đến vụ án và đại diện chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra, xác định hệ thống truyền động, hệ trục chân vịt của thuyền (ghe) có gắn động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5 về tình trạng hoạt động như sau: Hệ thống truyền động, hệ trục

chân vịt của thuyền (ghe), tại thời điểm kiểm tra vẫn hoạt động bình thường.

* Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Đ thu giữ, gồm: 01 thuyền (ghe) làm bằng kim loại màu xám trắng, có kích thước dài 8,33 mét, rộng 1,38 mét có gắn động cơ máy đánh lửa điện tử, ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5, bị mất nắp bình xăng (tình trạng không hoạt động) và gắn hệ trục chân vịt dài 03 mét.

* Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại ông Lê H, bà Huỳnh Thị L và gia đình bị hại anh Trần Đình M không yêu cầu Trương B phải bồi thường về dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Trương B đã tự nguyện hỗ trợ, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại ông Lê H và bà Huỳnh Thị L với số tiền là: 20.000.000 đồng; gia đình bị hại anh Trần Đình M với số tiền là: 10.000.000 đồng. Đối với anh Ngô Văn Nh là chủ thuyền (ghe) không yêu cầu bị cáo và những người có liên quan bồi thường về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-NĐ ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Trương B về tội: “Vô ý làm chết người” quy định tại khoản 2 Điều 128 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích về tính chất và hậu quả của vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trương B phạm tội “Vô ý làm chết người”.

+ Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 128; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, gia đình và đại diện hợp pháp của các bị hại và anh Ngô Văn Nh là chủ thuyền (ghe) không yêu cầu bị cáo và những người có liên quan bồi thường về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại 01 chiếc thuyền (ghe) làm bằng kim loại màu xám trắng, có kích thước dài 8,33 m, rộng 1,38 m, cao 0,33 m và 01 động cơ máy “Đánh lửa điện tử 168F-21 VIKYNO 6.5” bị mất nắp bình xăng (tình trạng không hoạt động) và gắn hệ trục chân vịt dài 03 m cho chủ sở hữu anh Ngô Văn Nh.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Đình M (đã chết) là chị Đoàn Thị T, Trần Đình D và bà Lê Thị H; người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê H và bà Huỳnh Thị L (đều đã chết) là anh Lê Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Ngô Văn Nh, ông Ngô Th cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, gia đình và người đại diện hợp pháp của các bị hại còn có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trương B.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng ý với tội danh theo cáo trạng đã truy tố và phân luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo rất ăn năn và hối hận về hành vi và hậu quả đã xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trương B:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2020, tại khu vực lòng hồ T (không thuộc tuyến đường thủy nội địa), thuộc Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; bị cáo Trương B (không có chứng chỉ chuyên môn lái phương tiện thủy nội địa, nhưng biết điều khiển thuyền máy và đã nhiều lần điều khiển thuyền máy) đã có hành vi điều khiển thuyền máy (ghe) có gắn động cơ máy đánh lửa điện tử ký hiệu 168F-2L VIKYNO 6.5, trên thuyền chở 12 người (gồm cả bị cáo) đi vào khu vực lòng hồ T cách bờ bên phải khoảng 05 mét; bị cáo không kịp xử lý khi mũi thuyền chuyển hướng sang trái và quay vòng, làm cho thuyền (ghe) bị nước tràn vào và chìm xuống hồ. Hậu quả làm cho anh Trần Đình M, ông Lê H và bà Huỳnh Thị L đều bị chết đuối. Giữa bị cáo với các bị hại đều là người dân lao động cùng địa phương, thường đi làm cùng nhau, không có mâu thuẫn gì với nhau trong công việc và cuộc sống; hậu quả xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Vô ý làm chết người" theo khoản 2 Điều 128 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế và phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chở nhiều người trên phương tiện thuyền (ghe) đi trên khu vực lòng hồ T có bề mặt nước rộng, mực nước rất sâu có thể phát sinh nhiều sự cố nguy hiểm không lường trước được. Tuy nhiên, do bị cáo tự tin và chủ quan khi cho rằng có kinh nghiệm điều khiển thuyền (ghe) máy nên đã dẫn đến hậu quả đau lòng xảy ra mà bản thân bị cáo và những người cùng đi trên thuyền đều không mong muốn.

Hậu quả của hành vi vô ý của bị cáo đã làm 03 người bị chết là rất nghiêm trọng, đây là tình tiết định khung tăng nặng làm chết 02 người trở lên được quy định tại khoản 2 Điều 128 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố mặc dù phía đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự, nhưng bị cáo cũng đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình 03 người bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; những người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người không có trình độ học vấn, có sự hạn chế về trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật. Do vậy, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, để bị cáo có thời gian sửa chữa sai lầm, cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự) và có nhân thân tốt, Hội đồng xét xử thấy đủ điều kiện để áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố và trong khung hình phạt liền kề để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự.

Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Đình M, ông Lê H và bà Huỳnh Thị L không yêu cầu bị cáo Trương B phải bồi thường về dân sự. Tuy nhiên, bị cáo Trương B đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình các bị hại với số tiền 30.000.000 đồng (trong đó, gia đình bị hại Trần Đình M số tiền 10.000.000 đồng; gia đình bị hại Lê H và Huỳnh Thị L số tiền 20.000.000 đồng). Đối với anh Ngô Văn Nh là chủ thuyền (ghe) không yêu cầu bị cáo và những người có liên quan bồi thường về dân sự. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của các bị hại, chủ phương tiện không yêu cầu bị cáo và những người có liên quan bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Tội phạm bị cáo thực hiện với lỗi vô ý, chiếc thuyền (ghe) là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Ngô Văn Nh và anh Nh cũng đề nghị được nhận lại tài sản này. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho chủ sở hữu là anh Ngô Văn Nh gồm: 01 chiếc thuyền (ghe) làm bằng kim loại màu xám trắng, có kích thước dài 8,33 m, rộng 1,38 m, cao 0,33 m và 01 động cơ máy “Đánh lửa điện tử 168F-21 VIKYNO 6.5 bị mất nắp bình xăng (tình trạng không hoạt động) và gắn hệ trục chân vịt dài 03 m.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 128; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trương B phạm tội “Vô ý làm chết người”.

Xử phạt bị cáo Trương B 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho anh Ngô Văn Nh 01 chiếc thuyền (ghe) làm bằng kim loại màu xám trắng, có kích thước dài 8,33 m, rộng 1,38 m, cao 0,33 m và 01 động cơ máy “Đánh lửa điện tử 168F-21 VIKYNO 6.5 bị mất nắp bình xăng (tình trạng không hoạt động) và gắn hệ trục chân vịt dài 03 m.

(Vật chứng được xác định theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22 tháng 6 năm 2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện N Đ, tỉnh TT-Huế;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N Đ, tỉnh TT-Huế;
- Cơ quan THAHS Công an huyện N Đ, tỉnh TT-Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo Trương B;
- Đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú